

GIÁO X , T CH C C N B N VÀ PH QUÁT C A CÔNG GIÁO VI T NAM

NGUY N NGH

V i m t t ch c t tr ng tâm trên tính cách c ng oàn, v i l ch nh ng ngày l phong phú và a d ng, v i sinh ho t h i oàn quy t các tín h u tùy theo tu i, gi i hay ngh nghi p và v i các ho t ng xã h i góp ph n gi i quy t khó kh n trong cu c s ng c a các tín h u, Giáo x là m t t ch c tôn giáo - xã h i thích h p v i xã h i nông thôn Vi t Nam, c bi t vào th i cu c s ng nông thôn còn khép kín. Nh n xét này c ng bu c chúng ta ph i t câu h i v vai trò c a t ch c giáo x i v i các tín h u Vi t Nam hi n nay.

o Công giáo⁽¹⁾ c du nh p vào Vi t Nam, m t cách có h th ng và liên t c, do các th a sai dòng Tên⁽²⁾, t u th k XVII, c th là vào u n m 1615, vào th i Vi t Nam b chia thành hai “v ng qu c” kinh ch nhau là àng Trong và àng Ngoài, và i sau c ch c th k so v i các tôn giáo l n là Ph t giáo, Lão giáo, Nho giáo...

Các tu s dòng Tên t i truy n giáo u tiên t i àng Trong, và m i n m sau, t c vào n m 1626, t i àng Ngoài. T th i i m này, o Công giáo ã th c s c thi t l p t i Vi t Nam, và t n m 1659, các th a sai thu c H i Truy n giáo n c ngoài Paris (S.M.E.P.) t i p t c công cu c truy n giáo này và phát tri n Giáo h i Công giáo t i Vi t Nam v i hai giáo ph n⁽³⁾ c thi t l p àng Trong và àng Ngoài. N m 1960, hàng Giáo ph m Vi t Nam c thành l p m nhi m vi c i u hành các giáo ph n t i Vi t Nam.

Nguy n Ngh . Vi n Khoa h c Xã h i vùng Nam B .

Công giáo không ph i là m t o cá nhân, hi u theo ngh a các tín h u ch c n ch p nh n và tuân th m t cách riêng t m t s giáo lý là , mà còn ph i th c hành o, bao g m vi c quy t l i v i nhau thành c ng oàn c hành chung v i nhau các nghi l và vi c s ng theo l o trong cu c s ng th ng ngày. B i v y, m t vi c làm g n li n v i vi c truy n giáo c a các th a sai là t ch c các giáo x quy t các tín h u thành c ng oàn.

NH NGH A GIÁO X THEO GIÁO LU T

B Giáo lu t c a Công giáo, t c b lu t c áp d ng trong Giáo h i Công giáo trên toàn th gi i, nh ngh a Giáo x là “m t c ng oàn tín h u c thi t l p cách b n v ng trong giáo h i a ph ng, và vi c s n sóc m c v [s ph c v v m t tôn giáo] c y thác cho cha S làm ch ch n riêng, d i quy n c a Giám m c giáo ph n”⁽⁴⁾.

Theo nh ngh a này thì giáo x tr c tiên không ph i là m t cu c t p h p nh t th i, sau ó gi i tán các tín h u nh khi

tham dự một nghi lễ tôn giáo, mà là một sự quy tụ có tính cách tổ chức lâu dài trong giáo hội địa phương, đây chính là giáo phận địa phương (5). Giáo xứ là một tập thể của giáo phận, và chính là hành động linh mục giám mục y nhậm.

Cha S, cha X

Khi thành lập một giáo xứ, giám mục y nhậm một linh mục về giáo xứ làm cha S (hay còn gọi là cha X). Điều 528 luật kê nhậm công việc chính yếu của giám mục trong trách nhiệm của cha S. Cha S, chủ yếu là người phụng dưỡng việc hành hương của tín đồ tôn giáo của các tín đồ trong giáo xứ, với cách đi đến của giám mục. Có thể là cha S, trợ giúp thì là linh mục. Trong lòng tin của người Công giáo, linh mục là người của Thiên Chúa thánh, kêu gọi, và giám mục phong linh mục qua một nghi lễ tôn giáo. Như vậy, quy định hành động thực thi trong giáo xứ, trong lễ nghi của tôn giáo của người xã hội, ít nhiều mang tính cách “thánh thiêng” về việc các tín đồ. Nhất là, vào buổi và cuối sau này, các cha S là linh mục người châu Âu và vì những giáo dân và học viên hợp thành tại châu Âu có thể xem như một lý do vì việc hành giáo xứ (Samuel L. Popkin, 1979, tr. 189).

Công giáo hiện tại Việt Nam có 26 giáo phận. Số giáo xứ trong mỗi giáo phận thì ít khác nhau(6). Số tín đồ trong giáo xứ cũng không nhất thiết tương đương với số linh mục, có giáo xứ chỉ có từ 5-8 trăm tín đồ, nhưng cũng có những giáo xứ có từ 9-10 ngàn, thậm chí 17 ngàn tín đồ như giáo xứ Cái Mơn tỉnh Bến

Tre, thuộc giáo phận Vĩnh Long, theo Niên giám năm 2004 của Giáo hội.

Khi số tín đồ còn ít, số người rải rác trên các địa bàn dân cư khác nhau và khác cách biệt nhau và số linh mục trong giáo phận không nhiều, ranh giới của một giáo xứ thường vượt quá ranh giới của một xã và hành chánh như làng hay ấp, mà bao gồm nhiều làng, ấp khác nhau. Nhưng khi số tín đồ đông, một giáo xứ thường có khung trong một làng. Ranh giới của làng thường là ranh giới của giáo xứ, tên gọi của làng cũng là tên gọi của giáo xứ. Giáo xứ Hà Nội là một đơn vị hành chính trong làng Hà Nội, giáo xứ Thánh Bích nằm trong làng Thánh Bích... thuộc giáo phận Hà Nội (Nguyễn Nghĩa, 1995, tr. 167).

Điều 518 của Bộ Giáo luật có nói đến tính cách “tòng th” của giáo xứ, nghĩa là bao gồm tất cả các tín đồ thuộc một địa phương. Tuy nhiên, cũng có những trường hợp, không phải là phải biệt lập, giáo xứ có tính cách “tòng nhân”, xét theo “lý do liên [nghi lễ], ngôn ngữ, quốc tịch của các tín đồ thuộc về một lãnh thổ” (xem số 518). Chính thì lập pháp, giáo xứ thường nhiên chính tính cách pháp nhân theo luật (xem số 518).

Một giáo xứ có thể là người Công giáo tuy vậy, 80%-90% dân số trong vùng, chính là toàn tòng, thậm chí di dân ra khi có một giáo xứ hay một tập thể ở ngoài các tín đồ Công giáo di dân từ một vùng thì còn thiếu dân hay chính là có người, như trong cuộc di dân năm 1954, hay trước đó, thậm chí này thì nằm trong vùng tránh một cuộc chiến, chẳng hạn...

Các tín h u

Ng i ta không t c kh c là tín Công giáo ch vì c sinh ra t cha m Công giáo, mà ph i qua m t nghi l tôn giáo c g i là *phép R a t i* (ngày nay th ng c g i là Thanh T y, c xem nh m t nghi l nh p o Công giáo). Sau khi nh n *phép R a t i* và tr thành tín h u Công giáo, ng i nh p o tr thành thành viên th c th c a m t c ng ng nh ng ng i có cùng ni m tin Công giáo t i m t a bàn nh t nh là giáo x ã c nh ngh a trên ây, qua ó g n v i giáo ph n và Giáo h i Công giáo toàn c u. Giáo x chính là a bàn ho t ng và tham gia tr c ti p vào cu c s ng Giáo h i c a các tín h u.

Giáo x có ch c n ng tôn giáo, nh ng v m t t ch c, có th c xem là m t t ch c xã h i. Tên tu i c a ng i nh p o c ghi trong m t cu n s c g i là s *R a t i*. Ngoài s *R a t i* này, giáo x , theo giáo lu t⁽⁷⁾, còn ph i có các s *Hôn ph i*, s *An táng* và các s khác mà H i ng Giám m c ho c Giám m c giáo ph n ã quy nh; Cha S ph i lo ghi chép các s sách ó m t cách k l ng và gi gìn c n th n⁽⁸⁾. S này c c t gi t i giáo x và s là m t ph ng tí n theo dõi cu c s ng o c a các ng i thu c giáo x trong su t cu c i c a h . Nh v y, vào o Công giáo, v m t xã h i, có ngh a là tr thành thành viên c a m t t ch c xã h i th c th .

Không có ng i Công giáo nào l i không ph i là thành viên c a m t giáo x và c m i tham d cùng nhau các nghi l tôn giáo và các sinh ho t c a c ng oàn giáo x .

M t trong nh ng công vi c hàng u c a m t linh m c c c n m t n i nào ó ph c v các tín h u s ng r i rác t i n i ch a c t ch c thành giáo x , là quy t h l i thành giáo x . L ch s dòng Phanxicô ghi l i ho t ng c a v th a sai u tiên thu c dòng là linh m c José Garcia, ng i Tây Ban Nha, t i Vi t Nam và ho t ng t i Qu ng Ngãi t 1719, c phái t i vùng Nam B t cu i n m 1722 và ho t ng t i ây cho n 1750. Khi c c t i vùng t Nam B , linh m c José Garcia là nhà truy n giáo duy nh t t i phía nam Sài Gòn khi y. Công vi c chính y u c a th a sai này ây l i không ph i là truy n giáo t o thêm nh ng tín m i mà ch y u là quy t các tín h u Công giáo i theo các t di dân khác nhau vào Nam B và ang s ng r i rác t i ây:

“T t c nh ng xê dch nh c nh n c a cha, tr ch t, quy v m t m c ích: tìm ng i l u dân có o phân tán l t kh p n i. Và tìm, cha có thói quen i b m t mình, vai mang b , tay c m g y, qua các xóm, các p, các tr i, các thu c, các n u h o lánh xa xôi, n khu t, n i có nhi u thú d và tr m c p... Khi n g n m t n i h o lánh xa xôi kia, cha nghe có ti ng c kinh. Vui m ng và ng c nhiên, cha ã khám phá ra m t nhóm ng i có o. Nh ng vì quá m c m c, l i quá xa xôi, ph n o ngh a h u nh h ch bi t gì, s ông không bi t có 7 phép bí tích [b y nghi l chính c a Công giáo]... Cha l i v i h nhi u ngày, th ng tr l i th m vi ng và ch ít lâu sau m t ngôi nhà nguy n nh c c t lên, nh ng ng i có o n chi c l

t trong vùng tập trung v... ó” (Trần Phú, 1974, tr. 55).

Nhà thờ

Trung tâm của giáo xứ và công xã là nơi quy tụ các tín hữu thuộc giáo xứ chính là nhà thờ, công xã giáo là thánh đường. Các tín hữu tập hợp tại nhà thờ nghe giảng dạy giáo lý, cử hành các nghi lễ riêng của Công giáo, nghe các sách, cử hành kinh chung với nhau. Có tín hữu nhà thờ hàng ngày tùy theo lòng sùng bái của tín hữu. Nhưng toàn thể các tín hữu có bổn phận phải đi nghe lễ tại nhà thờ vào mỗi ngày chủ nhật hàng tuần.

Giáo lý

Các thành viên của công xã giáo xứ có thể tìm thấy đây một cách bình đẳng, nơi họ có thể thực hiện tính cách thành viên của một công xã một cách tích cực và sống động. “Công giáo trình bày một trình bày nhu cầu yêu cầu, bình đẳng, vì cùng là con của một Chúa trên trời”. Tại giáo xứ, các tín hữu công xã luôn có đầy rành là những con người đã cố gắng thoát khỏi tình trạng của cha trên trời công xã ban cho họ hạnh phúc trần thế. Hạnh phúc này, hạnh phúc cách truyền thống sau khi tất cả các công xã truyền gian này “về nhà Cha”⁽⁹⁾.

Nhưng giáo lý, công xã giáo hóa và tất cả các lĩnh vực của các tín hữu, vẫn là những nông dân quanh năm phải vất vả trong ruộng mà nhiều khi họ không có hay luôn bị bóc lột bởi những kẻ bóc lột, nhất là tại châu thổ sông Hồng vào những thế kỷ Công giáo công xã truyền vào Việt Nam, họ đã đem

lợi cho các tín hữu này một niềm hy vọng mới và có tác động lớn trên các công xã.

Thành phần xã hội của các tín hữu

Việt Nam, lịch sử Công giáo cho thấy tính khác biệt và trong thời gian dài tuy tất cả các tín hữu là những nông dân nghèo, hay thuộc tầng lớp nghèo khổ không có chức vụ trong công xã làng xã. Mặc dù các bổn phận trình bày một số sai lầm, như Alexandre de Rhodes chứng minh, về công cụ truyền giáo trong giai đoạn đầu, có những tên tuổi của các công xã ‘cần cù’⁽¹⁰⁾ hay một số nhân vật trong giới quan liêu, họ có bà con với chúa Nguyễn hay chúa Trịnh, đã gia nhập Công giáo và trở thành những tín hữu sùng bái, như công xã Giuse Quang Nam, công xã Phêrô, công xã Emmanuel, bà Minh công xã Vinh thái phi, di của chúa Sãi (Alexandre de Rhodes, 1994, tr. 131), hay bà Catarina, em gái của chúa Trịnh (Alexandre de Rhodes, 1994, tr. 105)... Nhưng đó là những trường hợp ngoại lệ ta có thể nêu lên tên tuổi và kể ra lại lịch sử, và nếu lên do tính cách hiếm hoi của những trường hợp này, trên một đám đông vô danh người ta có tính khoanh hai trăm ngàn tín Công giáo trong giai đoạn đầu của công xã truyền giáo tại Việt Nam.

Hai thế kỷ sau, từ cuối thế kỷ XX, một số không ít các tác giả nghĩ khác nhau về những triết lý như vậy: Tín hữu Công giáo chủ yếu thuộc “tầng lớp thấp trong xã hội, thuộc tầng lớp nghèo” (Nguyễn Văn Phong, 1971, tr. 89), hay trong số “dân nghèo khổ, trôi nổi

và áng ng t i các ch c a các ô th l n” (Nguy n V n Phong, 1971, tr. 89).

L ch các ngày l

Giáo lý Công giáo d y r ng các tín h u mu n nuôi đ ng ni m hy v ng v h nh phúc i sau c ng c n ph i t i nhà th cùng nhau c hành các nghi l c a o.

L ch các ngày l , mùa l chung c a Công giáo r t a đ ng, phong phú, y màu s c. Bài th d i ây, c ph bi n khá r ng rãi, c bi t n i ng i Công giáo vùng châu th sông H ng, vào m t th i có th là xa x a, khi sách v ch a th nh hành m y, ã g m tóm m t cách y , y tính cách dân gian, vì c m ng l trong su t m t n m c a m t c ng ng giáo x :

*“Tháng Giêng n T t nhà,
Tháng Hai ng m ng, tháng Ba ra mùa,
Tháng T t p tr ng R c hoa
Ph t èn làm t m Ch u gi tháng N m
Tháng Sáu ki u nh Lá i tim
Tháng B y chung ti n i l Phú Nhai
Tháng Tám c ng m vân Côi
Tr v tháng Chín xem n i ch ng M
Tháng M i mua gi y Sao tua
Tr v M t Ch p sang mùa n chay”*
(Nguy n Ngh , 1995, tr. 168-169).

L ch các ngày l Công giáo, chung cho c giáo h i trên toàn th gi i, c tính theo đ ng l ch, tr l Ph c Sinh. L ch các ngày l trên ây c tính theo âm l ch, vì mu n l y T t âm l ch làm i m kh i u, nên có s chên l ch v ngày tháng v i l ch c a Giáo h i. Tuy nhiên, nó c ng bao g m các ngày l l n, các mùa l c a chung Giáo h i và c nh ng ngày l c nh n m nh t i m t a ph ng.

Báo *Nam K a ph n* (1931, tr. 660) mô t nh ng cu c r c ki u hay nh ng nghi l tôn giáo r t s ng ng vào nh ng th p niên u c a th k XX, k c t i các h o xa, trong vùng t l y. Trong các nghi l này có “*kèn tây (Fanfare), violon, harmonium, clarinette*” và có c “*nh c bát c u, nh c song h, tr ng gióng ba, nh c ng âm tr i gi ng th, c ng s c, c a tam quan*”.

Qu là nh ng cu c t p h p có âm thanh và màu s c có s c thu hút nh ng ng i nông dân ph i lao ng hàng ngày trong nh ng i u ki n và môi tr ng xã h i còn r t s khai.

Các nghi l riêng

Ngoài các ngày l chung c a c c ng oàn này, t i nhà th còn có nh ng nghi l trong ó, t ng tín h u, khi b c qua m t s giai o n quan tr ng c a i ng i, u có đ p tr thành nh ng i t ng c c c ng oàn h ng v : *R a t i* khi m i l t lòng m , *R c l v* lòng khi t i tu i ‘khôn’ (8-10 tu i), *Thêm s c* khi b t u b c vào tu i 13-15, *Hôn nhân* khi b c vào i s ng hôn nhân và gia ình và nghi l *An táng* khi nh m m t xuôi tay... Các ng s c chu n b hàng m y tháng tr c và trong bu i l , c dành cho m t ch riêng, các nghi l , l i gi ng, các câu ca hát u h ng v h và kêu g i c ng oàn giáo x quan tâm t i h ... ây là nh ng kho nh kh c cho ng i tín h u c m nh n c tính cách thành viên c a c ng oàn Giáo h i, c th , c a c ng oàn giáo x .

Sinh ho t h i oàn

H u nh giáo x nào, dù l n ho c nh , c ng u có các h i oàn quy t các tín

hầu theo tín lý Kitô giáo, theo nghi lễ hay theo sự thích nghi của tín hữu: có hội đoàn dành riêng cho các cháu tu sĩ thiếu nhi, tu sĩ thanh niên và trẻ em, hay dành riêng cho các bà mẹ, các gia đình, hay dành riêng cho học sinh, sinh viên, thanh niên lao động, nông dân trẻ... Giáo hội toàn bộ các tín đồ Kitô giáo đều tham gia trong các hội đoàn này⁽¹¹⁾. Sinh hoạt hội đoàn, hàng tuần hay hàng tháng, là nơi và dịp các tín hữu gặp gỡ, trao đổi, trau dồi kiến thức về giáo lý, về cách làm việc, tham gia các công tác xã hội, việc bác ái, thể thao, vui chơi giải trí chung, cộng đồng... và hàng năm còn có những ngày hội riêng mừng lễ thánh quan thầy hay bổ trợ của hội đoàn.

Các nghi lễ tôn giáo, các sinh hoạt hội đoàn luôn được thực hiện tại nhà thờ hay trong khuôn viên nhà thờ. “Nhà thờ, nhà nguyện, không chỉ là nơi quy tụ một cách thường ngày của Công giáo trong một làng, mà chính là nơi thờ phượng và duy trì tính cộng đồng của người Công giáo trong một làng và làm cho tính cộng đồng này trở nên sống động...” (Nguyễn Nghĩ, 1995, tr. 168-169). Dĩ nhiên, sinh hoạt của giáo xứ đã liên quan đến những khó khăn mà các tín hữu.

Vì chính quyền quy tụ cộng đồng duy trì và nuôi dưỡng cộng đồng các tín hữu này của nhà thờ, công việc truyền giáo thường kèm theo việc xây dựng nhà thờ. Ở Nam Bộ là địa điểm truyền giáo đầu tiên của các nhà sai và ngôi thánh đường hay nhà thờ đầu tiên của giáo xứ được xây dựng tại đây, ngay trong năm đầu tiên các nhà sai đi truyền giáo tại vùng Trong (Trần Bá Cường, 2004, tr. 43).

Nhà cầm quyền Việt Nam, vào buổi đầu truyền giáo của các nhà sai, xem ra công việc của họ quản lý của nhà thờ là vì lợi ích của Công giáo, khi bày tỏ lòng biết ơn đối với các nhà truyền giáo, đã cho phép họ cất nhà thờ tại những nơi⁽¹²⁾, hay nơi nào, khi muốn lợi ích của Công giáo ra khỏi đất nước, đã ban lệnh trừng phạt các nhà thờ song song với việc trục xuất các nhà truyền giáo (Trần Bá Cường, 2004, tr. 57).

Hội đồng và xã hội

Ngoài ra, người ta còn thấy một số hội đồng, như hội đồng ở Nam Bộ vào thời kỳ còn hoang vắng, với chức năng của mình, đã tích cực các khu dân cư mới, góp phần vào việc khẩn hoang và khai thác vùng đất còn mới này. Tạp chí *Nam Kỳ Tạp chí* (1930, tr. 119) viết thành lập một số hội đồng như sau: “Năm 1898, Pháp khai kinh Ô-Môn, qua sông Cái Bè, nơi Hố Giang và vùng Ô-Môn, Rạch Giá. Đây là vùng rừng rậm, hai bên sông Cái Bè thì đây là rừng rậm mù, trầm kè, gấu hổ, voi, bò rừng. Còn xóm làng gì mà đi tìm tìm ôi giời thì thấy một chòm núi mờ mờ, có khúc lối đi vắng vẻ thì đi thì công không gặp được nhà nào”.

Vẫn theo tạp chí trong vùng này, trước năm 1898 đã có một cái tên gọi là hội đồng này. Ông bèn nghĩ tới việc như “Hội đồng”. Giám mục giao cho linh mục Gioan B. Thiệu An nhiệm vụ này. Bài báo kết luận: “Linh mục này cai quản một cái chòi vắng vẻ làm nghi lễ tôn giáo. Linh mục này quy tụ tất cả 12 nóc gia. Năm 1900, linh mục dâng

c m t nhà th b ng g ch và ngói. Linh m c làm kinh tháo n c và p b gi n c, làm tr ng h c dành cho h c sinh nam riêng và cho h c sinh n riêng, giao cho các bà ph c lo. S ng i t i m i ngày m i ông. S ng i xin nh p o c ng nhi u. M i n m, linh m c làm nghi l nh p o cho kho ng n m, b y m i ng i. M t ngôi nhà th khác c d ng nên vào n m 1907, cách nhà th c m t gi r i i theo ng kinh, gi là Tr ng Tranh, quy t 5, 6 tr m tín ”.

Trong cu n *Ng i nông dân châu th B c k*, Pierre Gourou vi t v công trình khai kh n t ai c a H i Truy n giáo C c [Công giáo] c tác gi nh n xét là “r t áng k ” và nêu lên các lý do c a s thành công c a công trình này: “vì ây không ph i là nh ng ý cá nhân mà vi c th c hi n ã c chu n b c n th n, do nh ng ng i h ng hái và t n tâm, có nh ng ph ng ti nh u hi u, i u hành, (...); k lu t, t t c các doanh phu u là ng i Công giáo và cung kính ph c tùng các giáo s; có s ch n l c khi chiêu m , th ng là trong s nh ng giáo dân u tú nh t c a các giáo x ; quy n l c chính tr: các v th a sai ng i Âu có th b t bu c d dàng các nhà ch c trách hành chính th c hi n nh ng òi h i chính áng c a con chiên [tín h u]” (Pierre Gourou, 2003, tr. 195).

Samuel L. Popkin, tác gi t ng nghiên c u xã h i nông thôn Vi t Nam x a và nay, c ng ng ý v i nh n nh này c a Pierre Gourou khi vi t: “Giáo h i Công giáo ã bi n nh ng d i m l y r ng l n thành t ru ng có th giúp ng i nông dân ch ng l i ói kém. B i v y, m c dù

ác c m v i vi c Giáo h i ch ng l i vi c th cúng t tiên, nh ng s cùng qu n qu ã t o ra m t qu n chúng d ch p nh n Công giáo. Thi u các h th ng phúc l i c a làng, nhi u ng i nông dân ã b các ngôi làng ‘quá t i’ c a h tìm t i m t cu c s ng t t p h n Giáo h i h a h n cho h d i t này. Các linh m c t n tâm ã a ra m t k lu t tinh th n và xã h i c n thi t cho vi c khai thác các vùng t m i; Giáo h i còn cung c p tài chính c n thi t cho vi c phát tri n các làng m i l p này” (Samuel L. Popkin, 1979, tr. 191).

Bên c nh các ho t ng mang tính cách kinh t này, nh ng ho t ng mang tính cách xã h i hay bác ái c ng ã tr thành quen thu c i v i các tín h u c a m t giáo x : lo chôn c t nh ng ng i nghèo qua i, nh t là các tr em nghèo c lãnh nh n phép R a t i tr c khi ch t; nhi u n i ã l p ra nhà th ng, b nh vi n – d nhiên, không ph i v i quy mô trang b, bác s , y tá nh ngày nay - nh ng là n i ch a tr cho nh ng ng i nghèo; các th a sai l i th ng em theo m t s thu c tr b nh theo ph ng pháp Tây ph ng th ng có hi u qu cao h n, nên thu hút không nh ng ng i nghèo mà c nh ng ng i thu c các t ng l p cao m c b nh nan y ho c quá nguy ng p...“Ni m tin Công giáo ch c ch n có s c h p d n c a nó, nh ng nh ng cái l i v m t v t ch t c ng có tính cách quy t nh trong vi c c ng c s i dây ràng bu c các tín h u” (Samuel L. Popkin, 1979, tr. 189).

THÍCH H P V I XÃ H I NÔNG THÔN VI T NAM

V i giáo lý làm n n t ng t t ng cho vi c

xây dựng cộng đồng, vì tất cả trong
 a bản họ tộc bản địa giáo xứ, và
 tất cả có thể sống vì tất cả các
 tín hữu, vì các sinh hoạt phong phú
 dành cho mọi lứa tuổi, vì lễ các ngày
 lễ tôn giáo và các nghi lễ tôn giáo rí rác
 quanh năm, giáo xứ đã có thể tạo nên
 cộng đồng không gian xã hội, tôn giáo,
 văn hóa... từng ngày và dần dần
 có thể thỏa mãn các nhu cầu tình cảm,
 lý trí, xã hội của con người, nhất là
 vì các công việc tín hữu ở nông thôn.
 Thưa sai Darcet ghi nhận vào năm 1786:
 người Công giáo mới sống ở đây coi
 như những người “xa lạ” từ ngay chính
 sinh sống vì theo linh mục này, “h
 không đi xem kách, không tham dự các
 trò chơi công cộng hay các lễ hội
 quen thuộc vì những người không

theo Công giáo” (Nguyễn Nghĩ, 1995, tr.
 169).

KẾT LUẬN

Giáo xứ, một thực thể tôn giáo - xã hội,
 của Công giáo tại Việt Nam, như
 phác họa trên đây, xem ra có sự
 phát triển cao về các tín hữu Việt Nam
 sống ở nông thôn, những người nông dân
 quen sống theo làng, nhất là vào một
 thời kỳ trước này còn bó buộc trong
 một không gian chật hẹp, vì những nhu
 cầu còn nguyên.

Nhưng thực thể giáo xứ này liệu có thể
 còn duy trì được tính cách thích hợp của
 nó vào thời kỳ hiện nay, khi các phong
 trào toàn cầu hóa, thế tục hóa, và bùng
 nổ thông tin ngày càng phát triển mạnh
 mẽ thì các ngõ ngách của làng xóm? □

CHÚ THÍCH

(1) Trong các tài liệu của Việt Nam, Công giáo thường gọi bằng nhiều tên gọi khác nhau: *Đa-tô, Đấng Cứu Thế, Kitô giáo, Hoa Lang, Công giáo, Thiên Chúa giáo...* Đây, chúng tôi sử dụng tên gọi *Công giáo* vì là tên các tín hữu sử dụng gọi tôn giáo của mình, bởi tên gọi này và nói lên một thực thể của tôn giáo và bản chất là tôn giáo dành cho mọi người mọi nơi và vào mọi thời, và ám chỉ sự hiệp nhất với giáo triều Roma. Xem thêm Trần Văn Toàn, *Đa-tô Thiên Chúa- Đấng Cứu Thế*, nên gọi thế nào cho đúng, trong *Trung Tùy Bút*, Nxb. Tôn Giáo, 2008, tr. 69-85.

(2) Dòng Tên là một thực thể các tu sĩ, mang tên Đức Giêsu, được thành lập năm 1540 tại Roma. Khi sang Việt Nam truyền giáo từ năm 1615, Dòng Tên Việt là Dòng Tên khi nêu tên Đức Giêsu. Hiện nay, tên chung của dòng vẫn là Dòng Tên, các tu sĩ của Dòng, trừ đây thường gọi là tu sĩ, thưa sai hay linh mục Dòng Tên, nay gọi là *Giêsu hũu* hay *anh em Giêsu hũu*. Xem Quang Chính, SJ., *Dòng Tên trong xã hội Việt 1615-1773*, Nxb. Tôn Giáo, 2008, *Lời nói đầu*.

(3) *Giáo phận* là một cộng đồng tín hữu trong một khu vực được trao phó cho một Giám mục chủ trì, và sự sống tác động của linh mục đoàn. Giáo phận này gọi là Giáo hội địa phương.

(4) *Bản Giáo luật*, năm 1983, s. 518.

(5) Nếu quy tắc các tín hữu là nhà thờ. Cùng với sự gia tăng của số tín hữu, lãnh thổ của giáo phận cũng có thêm sự nhà thờ, những người quy tắc các tín hữu một địa phương này được giao cho một linh mục coi sóc về mặt tôn giáo. Giáo xứ được hình thành từ đây. Xem Theo *Nouvelle encyclopédie Catholique*, Bayard, 1989, mục *Paroisse*, trong phần *Từ điển của Giáo hội*, (tr. 988 của bản năm 1989).

⁽⁶⁾Ch ng h n, theo *Niên giám 2004 Giáo h i Công giáo Vi t Nam*, giáo ph n TPHCM có 194 giáo x , trong khi giáo ph n M Tho là 104 giáo x .

⁽⁷⁾Xem i u 535.

⁽⁸⁾Trong nh ng chuy n i làm vi c t i ng b ng sông C u Long, tác gi ã c th y t i m t s giáo x nh Thành Tri u (B n Tre, giáo ph n V nh Long), ho c các giáo x thu c giáo ph n Long Xuyên nh : N ng Gù, M Luông, Bò Ót, Cù Lao Giêng, ho c Lái Thiêu (Bình D ng, giáo ph n Phú C ng) còn gi nh ng cu n s *R a t i b* ng ti ng Latinh, có c ch nho, ch Nôm, t th k XIX s *R a t i c a h* o Thành Tri u ghi ng i c r a t i u tiên vào n m 1875.

⁽⁹⁾Thành ng th ng c dùng trong Công giáo ch m t tín h u qua i.

⁽¹⁰⁾T dùng trong dân gian g i ng i t i n s th i vua chúa Vi t Nam.

⁽¹¹⁾Các h i oàn th ng th y trong các giáo x : Dành cho thi u nhi và gi i tr : Phong trào Thi u nhi Thánh Th , Hùng Tâm D ng Chí, H ng o sinh Công giáo, Hi p H i Thánh M u, Ngh a Sinh, Sinh viên Công giáo, Thanh Sinh công, Thanh Lao Công, Thanh niên Thánh nghi p, Hi p h i giáo ch c Công giáo, Pax Romana. Dành cho n gi i: H i Con c M , Các bà M Công giáo. Dành cho nam gi i: H i Liên minh Thánh Tâm, Bác Ái Vinh S n, Cursillos. Không chuyên bi t: Legio Mariae, Gia ình Ph t T , Dòng Ba a Minh, Dòng Ba Phan Sinh, Dòng Ba Cát Minh, C ng oàn Bác ái...

⁽¹²⁾“Cha Buzomi ã gây c s chú ý c a tri u ình, n ng i ta c p ngay cho ngài m t khu t xây c t m t ngôi thánh ng” (C. Borri, *Relation...*, tr. 341, d n theo Tr ng Bá C n, tr. 44).

TÀI LI U TRÍCH D N

1. Alexandre de Rhodes. 1653. *Hành trình và truy n giáo* (b n d ch t b n ti ng Pháp). T sách i K t, 1994.
2. Alexandre de Rhodes. *Histoire du royaume de Tunquin*, B n d ch ti ng vi t. 1994. *L ch s v ng qu c àng Ngoài...* T sách Công giáo và Dân t c. Hà N i: Nxb. Tôn giáo.
3. Báo *Nam K a ph n*, n m 1930, 1931.
4. *B Giáo lu t*, n m 1983.
5. *Niên giám 2004 Giáo h i Công giáo Vi t Nam*.
6. Nguy n Ngh . 1995. *Nhà th trong làng Vi t Nam*, in trong M c ng (ch biên). *Làng xã châu Á và Vi t Nam*. TPHCM: Nxb. TPHCM.
7. Nguy n V n Phong. 1971. *La société vietnamienne de 1882 à 1902 /Xã h i Vi t Nam t 1882 n 1902*, P.U.F.
8. Pierre Gourou. 2003. *Ng i nông dân châu th B c K* (Nguyên tác: Les paysans du delta tonkinois – Études de géographie humaine). TPHCM: Nxb. Tr .
9. Samuel L. Popkin. 1979. *The Rational Peasant* (The Political Economy of Rural Society in Vietnam), University of California Press.
10. Tr ng Bá C n. 2004. *L ch s phát tri n Công giáo Vi t Nam*, t p l. Hà N i: Nxb. Tôn giáo.